

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 471/2008/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20/5/1998;

Căn cứ Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30/12/1999 của Chính phủ quy định về việc thi hành Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

Theo đề nghị của Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước,
xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 471/2008/QĐ-UBND ngày 30/12/2008
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

1. Quy định này quy định việc cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có các hoạt động liên quan đến việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

1. “Tài nguyên nước” bao gồm các nguồn nước mặt, nước mưa, nước dưới đất, nước biển thuộc lãnh thổ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. “Nguồn nước” chỉ các dạng tích tụ nước tự nhiên hoặc nhân tạo có thể khai thác, sử dụng được, bao gồm: sông, suối, kênh, rạch, biển, hồ, đầm, ao; các tầng chứa nước dưới đất; mưa, băng, tuyết và các dạng tích tụ nước khác.

3. “Nước dưới đất” (nước ngầm) là nước tồn tại trong các tầng chứa nước dưới đất.

4. “Nước mặt” là nước tồn tại trên mặt đất liền hay hải đảo.

5. “Nước sinh hoạt” là nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt của con người.

6. “Nước sạch” là nước đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng nước sạch của Tiêu chuẩn Việt Nam.

7. “Khai thác nguồn nước” là hoạt động nhằm mang lại lợi ích từ nguồn nước.

8. “Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước” là vùng phụ cận khu vực lấy nước từ nguồn nước được quy định phải bảo vệ để phòng chống ô nhiễm nguồn nước.

9. “Ô nhiễm nguồn nước” là sự thay đổi tính chất vật lý, tính chất hoá học, thành phần sinh học của nước vi phạm tiêu chuẩn cho phép.

10. “Sự suy thoái, cạn kiệt nguồn nước” là sự suy giảm về chất lượng và số lượng của nguồn nước.

11. Tổng lượng dòng ngầm trung bình mùa kiệt của một vùng được tính bằng

tổng lượng dòng chảy trung bình nhiều năm của các sông, suối trong vùng đó vào các tháng mùa kiệt (đối với vùng miền núi), hoặc bằng lượng nước chứa trong đới dao động mực nước giữa đầu mùa kiệt và cuối mùa kiệt của tầng chứa nước khai thác (đối với vùng đồng bằng).

12. Tiêu chuẩn nước thải loại B: Là nước thải có giá trị các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm được quy định trong cột B của Bảng giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải công nghiệp của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5945: 2005.

Điều 3. Nghiêm cấm các hành vi:

1. Làm suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ngăn cản trái phép sự lưu thông của nước, phá hoại các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, cản trở quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.

2. Đưa, thải vào nguồn nước các chất dầu, mỡ, hoá chất độc hại, chất phóng xạ quá giới hạn cho phép, xác động vật, thực vật, vi khuẩn, siêu vi khuẩn gây dịch bệnh và các chất thải chưa được xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn cho phép vào nguồn nước.

Điều 4. Nguyên tắc cấp phép:

Việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải bảo đảm các nguyên tắc được qui định tại Điều 4 - Nghị định 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ qui định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước (sau đây gọi tắt là Nghị định 149/2004/NĐ-CP).

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 5. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về tài nguyên nước và các hoạt động có liên quan đến tài nguyên nước trên địa bàn của tỉnh, cụ thể:

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra tại địa phương.

2. Hướng dẫn thi hành các quy định của Chính phủ và các Bộ, ngành về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra tại địa phương; ban hành theo thẩm quyền các văn bản về quản lý, bảo vệ và các hoạt động về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc điều tra cơ bản, kiểm kê đánh giá tài nguyên nước tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành có liên quan.

4. Cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép thăm dò nước dưới đất, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo thẩm quyền được quy định; điều hòa phân phối nguồn nước tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành có

liên quan.

5. Quyết định biện pháp huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để phòng, chống, khắc phục hậu quả lũ lụt, hạn hán; xử lý sự cố công trình thủy lợi và các tác hại do nước gây ra tại địa phương theo hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan; căn cứ vào quy hoạch tài nguyên nước, phê duyệt các dự án công trình về tài nguyên nước theo sự ủy quyền và phân cấp của Chính phủ.

6. Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra về tài nguyên nước, giải quyết các tranh chấp, xử lý các vi phạm pháp luật về tài nguyên nước tại địa phương theo thẩm quyền và các quy định khác của pháp luật; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước tại địa phương.

7. Thực hiện các điều ước Quốc tế mà Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

8. Quy định vùng bảo hộ vệ sinh và mức quy mô nhỏ trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước, có nhiệm vụ:

1. Tham mưu cho UBND tỉnh:

a) Ban hành các văn bản pháp luật về quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

b) Quy hoạch phát triển, chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm tài nguyên nước phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Quyết định, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các văn bản pháp luật, chương trình quy hoạch, kế hoạch sau khi được xét duyệt; tuyên truyền, phổ biến pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các dịch vụ công, chuyên môn nghiệp vụ về quản lý tài nguyên nước ở cấp huyện, xã theo quy định.

3. Tiếp nhận, hướng dẫn thủ tục, thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung các loại giấy phép về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật. Hướng dẫn UBND huyện, thành phố thẩm định các đề án, báo cáo thăm dò, khai thác tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND huyện, thành phố theo sự phân cấp của UBND tỉnh.

4. Tổ chức điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Tham gia xây dựng phương án phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai; thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về nước sạch đô thị và nông thôn.

6. Phối hợp với các Sở, ngành và cơ quan có liên quan trong công tác bảo vệ, quản lý tài nguyên nước, các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước và các công trình nghiên cứu, quan trắc về khí tượng thủy văn.

7. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, giải quyết hoặc tham gia giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ quản lý tài nguyên nước, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật. Tham gia hợp tác quốc tế và thẩm định các dự án, công trình có nội dung liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.

9. Đăng ký, theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động về tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về lĩnh vực tài nguyên nước.

10. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức và cán bộ xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về tài nguyên nước.

Điều 7. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm

1. UBND huyện, thành phố (sau đây được gọi chung là UBND cấp huyện):

a) Cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo sự phân cấp của UBND tỉnh.

b) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước tại địa phương theo qui định của pháp luật.

c) Tuyên truyền, giáo dục nhân dân thực hiện Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

d) Định kỳ sáu (6) tháng một (1) lần hoặc đột xuất gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thành phố là cơ quan chuyên môn giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn, có nhiệm vụ:

a) Tiếp nhận, hướng dẫn thủ tục, thẩm định hồ sơ, trình UBND huyện cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung các loại giấy phép về tài nguyên nước theo qui định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp huyện (theo sự phân cấp của UBND tỉnh), hoặc có văn bản đề nghị UBND tỉnh xem xét đối với các trường hợp không thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện;

b) Đăng ký, theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động về tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về lĩnh vực tài nguyên nước.

3. UBND xã, phường, thị trấn (sau đây được gọi chung là UBND cấp xã):

a) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho nhân dân, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước thuộc địa bàn quản lý;

b) Phối hợp với các cơ quan trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước;

c) Định kỳ ba (3) tháng một (1) lần hoặc đột xuất báo cáo cho UBND cấp huyện, về công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước.

Điều 8. Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban quản lý các Khu công nghiệp có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý các hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong khu vực quản lý của các Ban quản lý; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kịp thời phát hiện các vi phạm báo cáo cho UBND huyện và tỉnh để chỉ

đạo xử lý.

Chương III

CẤP, GIA HẠN, THAY ĐỔI, ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC, THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 9. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đều phải xin phép theo quy định của pháp luật.

Các loại giấy phép gồm:

1. Giấy phép thăm dò nước dưới đất.
2. Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.
3. Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.
4. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 10. Các trường hợp không phải xin cấp giấy phép:

1. Các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải xin phép được quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định 149/2004/NĐ-CP.

2. Xả nước thải vào nguồn nước với quy mô nhỏ trong phạm vi gia đình.

3. Các trường hợp sau đây không phải xin phép khi khai thác, sử dụng nước dưới đất với quy mô nhỏ, trong phạm vi gia đình nhưng phải đăng ký:

a) Khai thác, sử dụng nước dưới đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong phạm vi gia đình mà tổng lượng nước khai thác vượt quá tổng lượng dòng ngầm trung bình mùa kiệt.

b) Tại những khu vực các tầng chứa nước đều nhạt, chiều sâu giếng vượt quá chiều sâu đáy tầng chứa nước thứ nhất kể từ trên xuống. Tại khu vực có sự xen kẽ giữa tầng chứa nước nhạt với tầng chứa nước mặn, các giếng khoan xuyên qua tầng chứa nước mặn.

4. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước quy mô nhỏ trong phạm vi gia đình không phải xin phép được quy định cụ thể như sau:

a) Khai thác nước dưới đất bằng các giếng khoan có đường kính từ 50 mm trở xuống và giếng đào với lưu lượng khai thác tổng cộng không vượt quá 10 m³/ngày đêm.

b) Khai thác nước mặt để sản xuất nông nghiệp bằng hình thức tự chảy hoặc bằng máy bơm với lưu lượng tổng cộng không vượt quá 1.500 m³/ngày đêm.

c) Khai thác, sử dụng nước mặt ở các sông, suối hoặc trên các công trình tiêu nước, cấp nước để phát điện với công suất máy phát nhỏ hơn 10kw.

d) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác có lưu lượng tổng cộng nhỏ hơn 50 m³/ngày đêm.

đ) Khai thác, sử dụng nước biển để sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản với lưu lượng tổng cộng không vượt quá 1.000 m³/ngày đêm.

e) Nước thải sinh hoạt, nước thải của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có chất lượng tương đương nước thải loại B (Tiêu chuẩn Việt Nam) và có tổng lượng nước

thải từ 5 m³/ngày đêm trở xuống.

Điều 11. Thẩm quyền cấp phép

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền cấp giấy phép trong các trường hợp sau đây:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 1.000 m³/ngày đêm đến công trình có lưu lượng nhỏ hơn 3.000 m³/ngày đêm;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 20.000 m³/ngày đêm đến công trình có lưu lượng nhỏ hơn 40.000 m³/ngày đêm;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến công suất nhỏ hơn 2.000 kw;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng từ 25.000 m³/ngày đêm đến lưu lượng nhỏ hơn 50.000 m³/ngày đêm;

đ) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước trong trường hợp lưu lượng nước xả từ 2.500 m³/ngày đêm đến lưu lượng nước xả nhỏ hơn 5.000 m³/ngày đêm;

2. UBND tỉnh phân cấp cho UBND cấp huyện cấp giấy phép trong các trường hợp sau đây:

a) Khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 1.000 m³/ngày đêm;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng nhỏ hơn 20.000 m³/ngày đêm;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất nhỏ hơn 1.000 kw;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng nhỏ hơn 25.000 m³/ngày đêm;

đ) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước trong trường hợp lưu lượng nước xả nhỏ hơn 2.500 m³/ngày đêm;

Điều 12. Gia hạn giấy phép, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép:

Việc gia hạn giấy phép phải căn cứ các qui định tại Điều 5 và Khoản 5 Điều 7 và thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép được qui định tại Điều 8 của Nghị định 149/2004/NĐ-CP.

Điều 13 Đình chỉ hiệu lực của giấy phép

1. Giấy phép bị đình chỉ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (gọi chung là chủ giấy phép) vi phạm nội dung qui định của giấy phép;

b) Chủ giấy phép tự ý chuyển nhượng giấy phép;

c) Chủ giấy phép lợi dụng giấy phép để tổ chức hoạt động không quy định trong nội dung giấy phép.

2. Thời gian đình chỉ hiệu lực của giấy phép tối đa là ba (3) tháng. Trong thời gian giấy phép bị đình chỉ hiệu lực, thì chủ giấy phép không có các quyền liên quan đến giấy phép.

Điều 14. Thu hồi giấy phép:

1. Việc thu hồi giấy phép được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức là chủ giấy phép bị giải thể hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản; cá nhân

là chủ giấy phép bị chết hoặc bị Toà án tuyên bố là đã chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tuyên bố mất tích;

b) Giấy phép được cấp nhưng không sử dụng trong thời gian mười hai (12) tháng liên tục mà không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước cho phép ;

c) Chủ giấy phép vi phạm quyết định đình chỉ hiệu lực của giấy phép;

d) Chủ giấy phép vi phạm nội dung quy định của giấy phép, gây cạn kiệt, ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước;

đ) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền;

e) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

2. Thời hạn thông báo thu hồi giấy phép: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi phát hiện các trường hợp nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường phải có báo cáo và dự thảo văn bản trình UBND tỉnh ban hành quyết định thu hồi giấy phép hoặc đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường thu hồi giấy phép (theo thẩm quyền).

3. Giấy phép bị thu hồi do vi phạm quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều này thì chủ giấy phép chỉ được xem xét cấp mới sau thời hạn ba (3) năm, kể từ ngày thu hồi, nếu đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ liên quan đến lý do thu hồi giấy phép cũ. Nếu giấy phép bị thu hồi do vi phạm quy định tại điểm đ và e khoản 1 Điều này, thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước xem xét và cấp mới sau khi giấy phép cũ bị thu hồi.

Điều 15. Trả lại giấy phép:

1. Trường hợp không sử dụng giấy phép, chủ giấy phép có quyền trả lại giấy phép cho cơ quan cấp phép, đồng thời có văn bản giải trình lý do cho cơ quan cấp phép.

2. Tổ chức, cá nhân đã trả lại giấy phép chỉ được xem xét cấp giấy phép mới sau hai (2) năm, kể từ ngày trả lại giấy phép.

Điều 16. Chấm dứt hiệu lực của giấy phép

1. Giấy phép bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây :

a) Giấy phép bị thu hồi;

b) Giấy phép đã hết hạn;

c) Giấy phép đã được trả lại.

2. Khi giấy phép bị chấm dứt hiệu lực thì các quyền liên quan đến giấy phép cũng chấm dứt.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan cấp phép

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp loại giấy phép nào thì có quyền gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi loại giấy phép đó.

2. Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân xin phép, nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép.

3. Thanh tra, kiểm tra việc chủ giấy phép thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 19 của quy định này.

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy

phép

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đối với các loại giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:

- a) Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn thủ tục xin cấp phép.
- b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép bổ sung hồ sơ theo quy định.
- c) Thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định đối với các loại giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
- d) Làm thủ tục trình UBND tỉnh cấp phép cho tổ chức, cá nhân khi đủ điều kiện và có đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đối với các loại giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp huyện:

- a) Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn thủ tục xin cấp phép.
- b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép bổ sung hồ sơ theo quy định.
- c) Có văn bản đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định kỹ thuật các đề án, báo cáo thăm dò, khai thác tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;
- d) Thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định;
- đ) Làm thủ tục trình UBND huyện, thành phố cấp phép cho tổ chức, cá nhân khi đủ điều kiện và có đủ hồ sơ hợp lệ;
- e) Lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước đồng thời sao gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường một (1) bộ để theo dõi, tổng hợp.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của chủ giấy phép

1) Chủ giấy phép có các quyền được quy định tại Điều 17 của Nghị định 149/2004/NĐ-CP.

2) Nghĩa vụ của chủ giấy phép thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Nghị định 149/2004/NĐ-CP.

Chương IV

**THỦ TỤC CẤP PHÉP THĂM DÒ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG
TÀI NGUYÊN NƯỚC, XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

Điều 20. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất:

- a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;
- b) Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 200m³/ngày đêm trở lên; thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm;
- c) Bản sao có công chứng (hoặc chứng thực) giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi thăm dò; trường hợp đất nơi đặt giếng thăm dò không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đang có

quyền sử dụng đất với tổ chức, cá nhân thăm dò và được UBND cấp có thẩm quyền xác nhận (Đối với đất của cá nhân do UBND cấp xã xác nhận, đối với đất của tổ chức do UBND cấp huyện xác nhận).

2. Trình tự cấp giấy phép được quy định như sau:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò nước dưới đất nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Điều 18 của quy định này và sao gửi một (1) bộ hồ sơ cho UBND cấp huyện nơi đặt công trình đề nghị cấp phép thăm dò trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép, UBND cấp huyện có trách nhiệm thông báo ý kiến của huyện cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp giấy phép được cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép:

Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan tiếp nhận thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường, nếu đủ điều kiện cấp phép thì trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép.

Điều 21. Trình tự, thủ tục xin cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án khai thác nước dưới đất;

c) Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ từ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ toạ độ VN2000;

d) Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm trở lên; báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm; báo cáo hiện trạng khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động;

đ) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

e) Bản sao có công chứng (hoặc chứng thực) giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt giếng khai thác; trường hợp đất nơi đặt giếng khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất với tổ chức, cá nhân khai thác và được UBND cấp có thẩm quyền xác nhận.

2. Trình tự cấp giấy phép được quy định như sau:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo qui định tại Điều 18 của qui định này và sao gửi một (1) bộ hồ sơ cho UBND cấp huyện nơi đặt công trình đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép, UBND cấp huyện có trách nhiệm thông báo ý kiến của huyện cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp giấy phép được cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép:

- Đối với trường hợp đã có giếng khai thác, trong thời gian không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan tiếp nhận thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường, nếu đủ điều kiện cấp phép thì trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép;

- Đối với trường hợp chưa có giếng khai thác, trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo qui định, cơ quan tiếp nhận thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường và trình cơ quan cấp phép ra văn bản cho phép thi công giếng khai thác;

Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo kết quả thi công giếng khai thác, nếu đủ điều kiện cấp phép thì trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép.

Điều 22. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt:

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp chưa có công trình khai thác; báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt đối với trường hợp đang có công trình khai thác;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

d) Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước tỷ lệ từ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ toạ độ VN2000;

đ) Bản sao có công chứng (hoặc chứng thực) giấy chứng nhận hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt công trình khai thác; trường hợp đất tại nơi đặt công trình khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất với tổ chức, cá nhân khai thác và được UBND cấp có thẩm quyền xác nhận.

2. Trình tự cấp giấy phép được quy định như sau:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo qui định tại Điều 18 của qui định này và sao gửi một (1) bộ hồ sơ cho UBND cấp huyện nơi đặt công trình đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép, UBND cấp huyện có trách nhiệm thông báo ý kiến của huyện cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp giấy phép được cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép:

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường, nếu đủ điều kiện cấp phép thì trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép.

Điều 23. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án xả nước thải vào nguồn nước, kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp chưa có công trình xử lý nước thải; báo cáo hiện trạng xả nước thải, kèm theo kết quả phân tích thành phần nước thải và giấy xác nhận đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước;

c) Bản đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000 theo hệ toạ độ VN2000.

d) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

đ) Quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải;

e) Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật;

f) Bản sao có công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt công trình xả nước thải. Trường hợp đất nơi đặt công trình xả nước thải không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất với tổ chức, cá nhân xả nước thải và được UBND cấp có thẩm quyền xác nhận.

2. Trình tự cấp giấy phép được quy định như sau:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo qui định tại Điều 18 của qui định này và sao gửi một (1) bộ hồ sơ cho UBND cấp huyện nơi đặt công trình đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép, UBND cấp huyện có trách nhiệm thông báo ý kiến của huyện cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp giấy phép được cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép:

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan tiếp nhận thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường, nếu đủ điều kiện cấp phép thì trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin phép và thông báo lý do không cấp phép.

Điều 24. Trình tự, thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Tổ chức, cá nhân xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo qui định tại Điều 18 của qui định này; Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép (nêu rõ lý do);

b) Giấy phép đã được cấp;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

d) Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép;

đ) Đề án thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép.

2. Trình tự gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép được quy định như sau:

Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm, thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường, nếu đủ điều kiện thì trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ và thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân.

Chương V
THANH TRA, KIỂM TRA CÁC HOẠT ĐỘNG
VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

a) Thanh tra, kiểm tra việc lập, thực hiện các quy hoạch, phương án quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước;

b) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

c) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

d) Phối hợp với Thanh tra Nhà nước, Thanh tra chuyên ngành của Bộ, ngành, địa phương trong thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước và các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước;

đ) Giải quyết hoặc tham gia giải quyết các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp các hoạt động về tài nguyên nước.

2. UBND cấp huyện:

a) Kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo thẩm quyền;

b) Giải quyết hoặc tham gia giải quyết các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp các hoạt động về tài nguyên nước.

Điều 26. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra

1. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu, kiến nghị, chấp hành các quyết định của Đoàn thanh tra, Thanh tra viên. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin và tài liệu đã cung cấp.

2. Có trách nhiệm tạo điều kiện cho Đoàn thanh tra, Thanh tra viên khi làm nhiệm vụ.

3. Trường hợp có khiếu nại thì trong khi chờ giải quyết khiếu nại vẫn phải thực hiện các yêu cầu, quyết định của Trưởng Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên.

Điều 27. Khiếu nại, tố cáo quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước (hoặc người đại diện của tổ chức, cá nhân) có quyền khiếu nại về quyết định xử phạt hành chính đối với tổ chức, cá nhân.

2. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền những hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân và tố cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.

3. Thủ tục, trình tự, thời hạn, thẩm quyền khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu

nại, tố cáo thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo; Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính.

Chương VI **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 28. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy định này, bảo vệ, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi làm suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng nguồn nước, vi phạm các qui định khác của pháp luật về tài nguyên nước, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm hoặc bao che cho người có hành vi vi phạm các quy định đối với việc cấp giấy phép về tài nguyên nước và các qui định khác của Luật Tài nguyên nước thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Chương VII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 30. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp các Sở, Ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 31. Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến tài nguyên nước thực hiện các nghĩa vụ, chế độ chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Những nội dung trong quy định này áp dụng cho việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc các cấp, ngành, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi bổ sung kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế